

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Chiến

Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kim Thị L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Mộc Anh, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Kim L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Bảy Xào Dơi A, xã Kim Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Kim Thị L trình bày: Vào năm 2013, chị và anh Kim L tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống và trong công việc làm ăn. Hiện nay chị và anh L không còn sống chung với nhau, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim L. Về con chung: có 01 người con chung tên Kim Thị H, sinh ngày 04/01/2014, hiện con đang ở với chị L, chị yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kim L đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 05/4/2022 và ngày 26/5/2022; tham gia phiên tòa vào các ngày 23/6/2022 và ngày 06/7/2022 nhưng bị đơn anh Kim L vắng mặt, không lý do.

Ý kiến của cháu Kim Thị H, sinh ngày 04/01/2014 trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn thì con muốn ở với mẹ.

Tại biên bản tiếp xúc bà Kim Thị Sao là mẹ ruột của anh Kim L cho biết: Sau khi kết hôn thì vợ chồng các con là Kim Thị L và Kim L sống bên gia đình vợ nên mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết, đến khi xảy ra mâu thuẫn trầm trọng thì bà mới biết và anh L đã bỏ về nhà sống với bà từ khi dịch Covid – 19 bùng phát và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả, sau khi dịch Covid – 19 ổn định thì L lên Thành phố H làm cho đến nay, khi nhận được các thông báo cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án thì bà có thông báo cho anh L biết nhưng anh L không chịu về vì đi làm công ty, theo bà thì cuộc hôn nhân giữa chị L và anh L nếu có hàn gắn lại cũng không hạnh phúc vì lúc sống chung thường xuyên cự cãi, L thường bỏ về nhà nhiều lần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Kim Thị L tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Kim L chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

- Về nội dung vụ án: chị Kim Thị L và anh Kim L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị Kim Thị L và anh Kim L là hợp pháp. Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn được bà Kim Thị Sao là mẹ ruột anh L xác nhận là có thật. Hiện tại chị Kim Thị L và anh Kim

L đã sống ly thân. Trong suốt quá trình tố tụng, chị Kim Thị L cương quyết ly hôn, do hôn nhân đã đến mức trầm trọng, còn anh L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, từ đó yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, giao cháu Kim Thị Hạnh, sinh ngày 04/01/2014 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các bên không tranh chấp và không yêu cầu nên không xét. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị L.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho bị đơn các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Kim Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Kim L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Căn cứ 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Chị Kim Thị L và anh Kim L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị L và anh L là hợp pháp. Sau kết hôn, chị L và anh L chung sống có 01 người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc, tuy nhiên chung sống được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn được bà Kim Thị Sao là mẹ ruột anh L xác nhận là có thật, theo bà Sao thì nếu có hàn gắn cũng không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho chị L và anh L hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do chị L cương quyết ly hôn, còn anh L không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ thời điểm dịch Covid – 19 bùng phát đến nay đã gần 02 năm, có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: tên Kim Thị H, sinh ngày 04/01/2014 hiện đang sống với chị L. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu H có nguyện vọng sống chung bên mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp theo nguyện vọng của cháu H). Chị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị L về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Kim L.

Cho chị Kim Thị L được ly hôn với anh Kim L.

2. Về con chung: Giao cháu Kim Thị H, sinh ngày 04/01/2014 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu H).

Về cấp dưỡng chị H không có yêu cầu nên không giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Kim Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009816 ngày 17/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn anh Kim L không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Kim Thị L và bị đơn anh Kim L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã L, huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc